

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2021

“V/v ly hôn giữa chị T và anh H”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;

2. Ông Nguyễn Ngọc Thi.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40a/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1990 (có mặt);

Địa chỉ: Số1/1, hẻm 1, đường Phạm Văn Ngũ, khu phố 5, thị trấn B huyện B, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: 202, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:* Chị T và anh H tổ chức đám cưới vào năm 2016 và đăng ký kết hôn ngày 03/3/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường. Đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 10/2020. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng thường hay cãi vã do tính tình không hợp, anh H thường xuyên đánh, đập chửi bới chị, mặt khác chị cho rằng anh H còn có ngoại tình với người phụ nữ khác. Nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H:* Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập anh H đến giải quyết nhưng anh H vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Anh H là bị đơn hiện đang cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C. Bị đơn anh Nguyễn Văn H được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập anh H đến giải quyết nhưng anh H vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Văn H tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 25/2016 ngày 03/3/2016. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị T trình bày nguyên nhân là do anh H và chị thường xuyên cãi nhau trong quá trình chung, mỗi lần cãi vã anh H thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Mặt khác anh H còn ngoại tình với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H. Đối với anh H, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập anh H tham gia giải quyết vụ án để vợ chồng có điều kiện hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng anh H không tham gia cũng như không có văn bản trình bày ý kiến. Điều này thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn là có cơ sở để chấp nhận theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T và anh H không có con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, anh H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[2] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0009531 ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị T đã nộp đủ.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- THA huyện Cần Đước;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hữu Lộc